

Số: /2021/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2021

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 23**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định Chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Xét Tờ trình số:...../TTr-UBND ngày....tháng...năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số..../BC-HĐND ngày...tháng.... năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách trợ cấp đối với trẻ mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp; hỗ trợ cơ sở giáo dục mầm non ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và cơ sở giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp

phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định, có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

2. Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp bảo đảm những điều kiện sau: Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định; có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

3. Giáo viên mầm non (bao gồm cả hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chủ nhóm, tổ trưởng chuyên môn) đang làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định.

4. Cơ sở giáo dục mầm non công lập ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ

1. Đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2, Nghị quyết này, được hỗ trợ **160.000 đồng/trẻ/tháng** (một trăm sáu mươi nghìn đồng một tháng), tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/ năm học.

2. Đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2, Nghị quyết này, được hỗ trợ **800.000 đồng/tháng** (tám trăm ngàn đồng một tháng), tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học.

3. Đối với đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2, Nghị quyết này, được hỗ trợ tài liệu và chi phí tập huấn khi tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Mức hỗ trợ của ngân sách thực hiện theo mức hỗ trợ đối với giáo viên công lập có cùng trình độ tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

4. Đối với đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2, Nghị quyết này, được hỗ trợ **2.980.000 đồng/01 tháng/45 trẻ em, số dư từ 20 trẻ em trở lên được tính**

thêm một lần mức hỗ trợ, mỗi cơ sở giáo dục mầm non được hỗ trợ không quá 05 lần/1 tháng, nhưng không quá 9 tháng/năm học, tính theo số tháng tổ chức nấu ăn thực tế.

5. Đối với đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 2, Nghị quyết này, được hỗ trợ kinh phí mua sắm đồ dùng dạy học, đồ chơi cho trẻ và cơ sở vật chất cho cơ sở giáo dục mầm non, **hỗ trợ 01 lần:**

a) Cơ sở giáo dục mầm non có quy mô từ 01 - 03 nhóm, lớp, được hỗ trợ 20.000.000 đồng/01 cơ sở giáo dục mầm non.

b) Cơ sở giáo dục mầm non có quy mô từ 04 - 07 nhóm, lớp, được hỗ trợ 30.000.000 đồng/01 cơ sở giáo dục mầm non.

c) Cơ sở giáo dục mầm non có quy mô từ 08 - 11 nhóm, lớp, được hỗ trợ 40.000.000 đồng/01 cơ sở giáo dục mầm non.

d) Cơ sở giáo dục mầm non có quy mô từ 12 nhóm, lớp trở lên, được hỗ trợ 50.000.000 đồng/01 cơ sở giáo dục mầm non.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện: **Ngân sách tỉnh**; ngân sách Trung ương hỗ trợ cho địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành; Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Ước tính tổng kinh phí để thực hiện các chính sách phát triển giáo dục mầm non năm đầu tiên từ nguồn ngân sách trung ương là 3.434.400.000 đồng/1 năm; ngân sách tỉnh: 7.000.000.000 đồng/1 năm; các năm học còn lại: 5.500.000.000 đồng/năm.

a) Hỗ trợ kinh phí mua sắm đồ dùng dạy học, đồ chơi cho trẻ và cơ sở vật chất cho cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thực (ước tính 1.510.000.000 đồng).

b) Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp (ước tính 3.947.040.000 đồng/năm).

c) Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực ở địa bàn có khu công nghiệp (ước tính 288.000.000 đồng/năm).

d) Hỗ trợ kinh phí tổ chức nấu ăn cho trẻ tại các cơ sở GDMN công lập ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ (ước tính 4.264.380.000, trong đó, **ngân sách trung ương ước tính 3.434.400.000 đồng/1 năm; ngân sách tỉnh ước tính 829.980.000 đồng/1 năm**)

đ) Hỗ trợ tài liệu và chi phí tập huấn đối với giáo viên mầm non dân lập, tư thực: 422.460.000 đồng/năm.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Những nội dung khác quy định về chính sách giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ không liên quan đến Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Khóa..., Kỳ họp thứ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và có hiệu lực từ ngày... tháng... năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban CTĐB - UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- TTXVN tại QN;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Báo QNam, Đài PT-TH QNam;
- CPVP, CV;
- Lưu VT,.

CHỦ TỊCH

